UBND QUẬN HÀ ĐÔNG

**TRƯỜNG THCS BIÊN GIANG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ NĂM HỌC 2019 – 2020**

**MÔN LỊCH SỬ 9**

Cả năm 37 tuần (55 Tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Học kỳ  | Số tuần | Số tiết/tuần | Số điểm tối thiểu |
| M | 15’ | V | HK |
| Học kỳ I | 19 | 1tiết/tuần ×19 tuần = 19 tiết  | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Học kỳ II | 18 |  2tiết/tuần ×18 tuần = 36 tiết  | 1 | 2 | 1 | 1 |

**Học kỳ I. Tiết 1,2,3 - Chủ đề 1 : Liên Xô và các nước Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai**

**Học kỳ II. Tiết 49, 50 - Chủ đề 2: Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000.**

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh** |
| 1 | 1 | **Chủ đề 1: Liên Xô và các nước Đông Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai****(Gồm bài 1 và bài 2 trong Chương I:**Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XXBài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX) | *Mục II.2.(tr3): Tiến hành xây dựng CNXH (từ 1950 đến đầu những năm 70 của thế k ỷ XX: Đọc thêm* |
| 2 | 2 |  |
| 3 | 3 | *Mục II(tr9): Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu: Chỉ cần nắm hệ quả.* |
| 4 | 4 | **Chương II:**Bài 3. Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa |  |
| 5 | 5 | Bài 4. Các nước châu Á (Kiểm tra 15’) | *Không dạy (tr15):**- Mục II.2.Mười năm đầu xây dựng chế độ mới(1949 –1959)**Mục II.3. Đất nước trong thời kỳ biến động (1959 – 1978)* |
| 6 | 6 | Bài 5. Các nước Đông Nam Á  | *Hướng dẫn HS đọc thêm (tr21): Quan hệ giữa hai nhóm nước ASEAN* |
| 7 | 7 | Bài 6. Các nước Châu Phi |  |
| 8 | 8 | Bài 7. Các nước Mĩ la tinh |  |
| 9 | 9 | **Kiểm tra viết 9 (1 tiết)** |  |
| 10 | 10 | **Chương III. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.**Bài 8. Nước Mĩ | *Mục II (tr33): Sự phát triển về khoa học kỹ thuật của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ II: Lồng ghép với nội dung ở bài 12* |
| 11 | 11 | Bài 9.Nhật Bản | *Không dạy (tr36): Chính sách đối nội mục III. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh.* |
| 12 | 12 | Bài 10. Các nước Tây Âu |  |
| 13 | 13 | Chương IV. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nayBài 11.Trật tự thế giới mới sau chiến tranh |  |
| 14 | 14 | **Chương V. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1945 đến nay**.Bài 12. Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng KHKT sau chiến tranh thế giới II |  |
| 15 | 15 | Bài 13. Tổng kết lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay. |  |
| 16 | 16 | **Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY.****Chương I. Việt Nam trong những năm 1919-1930.**Bài 14.Việt Nam sau chiến tranh thế giới I.  |  |
| 17 | 17 | Bài 15. Phong trào cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới I (1919 – 1926) |  |
| 18 | 18 | **Kiểm tra học kỳ I** |  |
| 19 | 19 | **Trả bài kiểm tra học kỳ I** |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh**  |
| 20 | 20 | Bài 16. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 - 1925 |  |
| 21 | Bài17.Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng cộng sản ra đời. | *Không dạy mục III (trang 64): Việt Nam quốc dân Đảng (1927) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)* |
| 21 | 22 | **Chương II. Việt Nam trong những năm 1930-1939.**Bài 18. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời | *Câu hỏi (trang 69): (Hãy cho biết những yêu cầu bức thiết về tổ chức để đảm bảo cho cách mạng Việt Nam phát triển từ năm 1930 về sau): Không yêu cầu HS trả lời.* |
| 23 | Bài 19. Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935(Kiểm tra 15’) | *- Không dạy mục III (trang 72): Lực lượng cách mạng phục hồi.**- Không yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 và 2 ở cuối bài* |
| 22 | 24 | Bài 20. Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 - 1939 | *- Mục II (trang 76): Mặt trận dân chủ Đông dương: Chỉ cần HS nắm được mục tiêu, hình thức đấu tranh trong thời kỳ này* |
| 25 | **Chương III: Cuộc vận động tiến tới cách mạng tháng Tám năm 1945**Bài 21: Việt Nam trong những năm 1939 – 1945 |  |
| 23 | 26 | Bài 22: Cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng 8 – 1945 |  |
| 27 | Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà |  |
| 24 | 28 | Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà |  |
| 29 | **Chương IV. Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến.**Bài 24. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946)  | *Mục II.(trang 96): (Bước đầu xây dựng chế độ mới): Chỉ cần HS nắm được sự kiện ngày 6/1/1946 và ý nghĩa của sự kiện này.* |
| 25 | 30 | Bài 24. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946) (tiếp theo)  |  |
| 31 | **Chương V. Việt Nam từ cuối năm 1946 đến cuối năm 1954**.Bài 25. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. | *Không dạy mục III. (trang 103): Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.* |
| 26 | 32 | Bài 25. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.(tiếp theo) |  |
| 33 | Bài 26. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 – 1953) | *Đọc thêm mục V (trang 110): Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường* |
| 27 | 34 | Bài 26. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 – 1953) (tiếp ) |  |
| 35 | Bài 27. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp Xâm lược kết thúc (1953 – 1954) | *Mục III (trang 119): (Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương): Hướng dẫn HS đọc thêm hoàn cảnh, diễn biến hiệp định Giơnevơ, chỉ cần nắm được nội dung ý nghĩa của hiệp định này* |
| 28 | 36 | Bài 27. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953 – 1954) (tiếp theo) |  |
| 37 | Bài 27. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp Xâm lược kết thúc (1953 – 1954) (tiếp theo) |  |
| 29 | 38 | Lịch sử địa phương Hà Nội từ năm 1919 - 1945 |  |
| 39 | Ôn tập Lịch sử Việt Nam từ 1919 - 1954 |  |
| 30 | 40 | **Kiếm tra viết 1 tiết** |  |
| 41 | **Chương VI. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975**.Bài 28. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965) | *Không dạy (trang 128)**+ Mục II.2. Khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh**+ Mục II.3. cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế văn hoá (1958 – 1960)* |
| 31 | 42 | Bài 28. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965) (tiếp theo) |  |
| 43 | Bài 28. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965) (tiếp theo) - ( Kiểm tra 15’) |  |
| 32 | 44 | Bài 29. Cả nước trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965 – 1973) | *- Hướng dẫn HS đọc thêm (trang 142): Mục I.3.Cuộc tổng tiến công và nổi dạy tết Mậu Thân 1968.**- Mục V (trang 142): Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam: Không dạy hoàn cảnh, diễn biến của hội nghị Pari, chỉ cần nắm được nội dung, ý nghĩa của hiệp định Pari.* |
| 45 | Bài 29. Cả nước trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965 – 1973) (tiếp theo) |
| 33 |  46 | Bài 29. Cả nước trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965 – 1973) (tiếp theo)  |
| 47 | Bài 30. Hoàn thành giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1973 – 1975)  | *- Mục I.Trang 155: Miền Bắc khôi phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, ra sức chi viện cho miền Nam: không dạy**- Tình hình, diễn biến mục II (trang 155): Đấu tranh chống bình định lấn chiếm, tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam: Chỉ cần nắm được sự kiện hội nghị 21 và chiến thắng Phước Long.* |
| 34 | 48 | Bài 30. Hoàn thành giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1973 – 1975) (tiếp theo) |
| 49 | **Chủ đề 2: Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000.****(Gồm bài 31 và bài 32 ở Chương VII:** - Tiết 1: Việt Nam trong năm đầu sau đại thắng mùa xuân 1975- Tiết 2: Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1986 – 2000) | *Mục II (trang 166): Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế văn hoá ở hai miền đất nước: Không dạy* |
| 35 | 50 | *Mục II (trang 174): Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) : Chỉ nắm những thành tựu tiêu biểu* |
| 51 | Bài 33. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000. |  |
|  | 52 | Ôn tập học kỳ II |  |
| 53 | **Kiểm tra học kỳ II**  |  |
|  | 54 | Lịch sử địa phương Hà Nội từ năm 1945 – nay |  |
|  | 55 | Trả bài kiểm tra học kỳ II |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KẾ HOẠCH DẠY HỌC NĂM HỌC 2019 – 2020****MÔN LỊCH SỬ LỚP 8** **Cả năm 56 tiết** |
| **Học kỳ** | **Số tuần** | **Số tiết/tuần** | **Số điểm tối thiểu** |
| **M** | **15’** | **V** | **HK** |
| Học kỳ I | 19 | 2 tiết/tuần ×19 tuần = 38 tiết  | 1 | 2 | 1 | 1 |
| Học kỳ II | 18 |  1tiết/tuần ×18 tuần = 18 tiết  | 1 | 1 | 1 | 1 |

**- Học kỳ I. Tiết 19, 20. Chủ đề 1: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)**

**- Học kỳ II. Tiết 51, 52. Chủ đề 2: Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỷ XX đến năm 1918**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh** |
| 1 | 1 | **Chương I. Thời kì xác lập của chủ nghĩa tư bản**.(từ thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX)Bài 1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên | *Hướng dẫn học sinh đọc thêm: (tr3)**+ Mục I.1. Một nền sản xuất mới ra đời.**+ Mục II.2. Tiến trình cách mạng**+ Mục III.2. Diễn biến cuộc chiến tranh* |
| 2 | Bài 1.Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên (tiếp theo) |  |
| 2 | 3 | Bài 2.Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794) | *Mục II: Cách mạng bùng nổ (tr10): Chỉ nhấn mạnh sự kiện 14 – 7, “tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” - nền chuyên chính dân chủ cách mạng Giacôbanh.* |
| 4 | Bài 2.Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794) (tiếp) |  |
| 3 | 5 | Bài 3. Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới | *- Không dạy: (tr 18):**+ MụcI.2. Cách mạng công nghiệp ở Đức, Pháp**+ Mục II.1. các cuộc cách mạng tư sản thế kỷ XIX* |
| 6 | Bài 4. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác. | *Hướng dẫn HS đọc thêm: Mục II. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác (tr28)* |
| 4 | 7 | Làm bài tập lịch sử - **( KT 15’)** |  |
| 8 | **Chương II. Các nước Âu Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX**Bài 5.Công xã Pari 1871) | *Hướng dẫn HS đọc thêm: (tr35)**Mục II. Tổ chức bộ máy và chính sách của công xã Pari; Mục III: Nội chiến ở Pháp* |
| 5 | 9 |  Bài 6:Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XXBài 6:Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (tiếp ) | - Không dạy mục II (tr39): chuyển biến quan trọng của các nước đế quốc |
| 10 |  |
| 6 | 11 | Bài 7. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX  | *Mục I.(tr45) (Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỷ XIX. Quốc tế thứ II): Đọc thêm* |
| 12 | Bài 8. Sự phát triển của kỹ thuật, khoa học, văn học và nghệ thuật thế kỷ XVIII – XIX  | *Không dạy: Nội dung văn học và nghệ thuật mục II. Những tiến bộ về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội (tr51)* |
| 7 | 13 | **Chương III. Châu Á giữa thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XX.**Bài 9. Ấn Độ thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX |  |
| 14 | Bài 10. Trung Quốc giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX | *Mục II. (tr58)Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: Hướng dẫn HS lập niên biểu* |
| 8 | 15 | Bài 11. Các nước Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX |  |
| 16 | Bài 12. Nhật Bản giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX | *Không dạy mục III. (tr66) Cuộc đấu tranh của nhân dân lao động* |
| 9 | 17 | Ôn tập |  |
| 18 | ***Kiếm tra viết (1 tiết)*** |  |
| 10 | 19 | **Chủ đề 1: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)** |  |
| 20 |  |  |
| 11 | 21 | Bài 14. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại (từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917) |  |
| 22 | **Lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1917 đến năm 1945)****Chương I. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô (1921-1941)**Bài 15.Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921) | ***Không dạy: (tr 75)******+ Mục II.1. Xây dưng chính quyền Xô Viết.******+ Mục II.2. Chống thù trong giặc ngoài*** |
| 12 | 23 | Bài 15. Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921) (tiếp) |  |
| 24 | Bài 16. Liên xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941) | *Mục II. (tr82) Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1925 – 1941): Chỉ cần nắm được những thành tựu xây dựng CNXH (từ 1925 – 1941)* |
| 13 | 25 | **Chương II : Châu Âu và nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)**Bài 17. Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)  | *- Mục I.2. (tr87) Cao trào cách mạng 1918 – 1923. Quốc tế cộng sản thành lập: Đọc thêm**- Mục II.2. Phong trào mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh 1929 – 1939 : Không dạy* |
| 26 | Bài 18. Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) |  |
| 14 | 27 | **Chương III. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)**Bài 19. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) |  |
| 28 | Bài 20. Phong trào độc lập dân tộc ở Châu Á (1918 – 1939) |  |
| 15 | 29 | Bài 20. Phong trào độc lập dân tộc ở Châu Á (1918 – 1939) (tiếp theo) - **(KT 15’)** |  |
| 30 | Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) |  |
| 16 | 31 | Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) (tiếp) |  |
| 32 | **Chương V. Sự phát triển của văn hóa, khoa học - kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX**Bài 22. Sự phát triển văn hoá, khoa học - kỹ thuật thế giới nửa đầu thế kỷ XX |  |
| 17 | 33 | Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (từ 1917 – 1945) |  |
| 34 | Ôn tập học kỳ I |  |
| 18 | 35 | Ôn tập học kỳ I |  |
| 36 | **Kiểm tra học kỳ I** |  |
| 19 | 37 | Làm bài tập lịch sử. |  |
| 38 | Trả bài kiểm tra học kỳ I |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh**  |
| **20** | 39 | Bài 24. Cuộc kháng chiến từ năm 1858 – 1873. -Hướng dẫn HS chuẩn bị học lịch sử địa phương: Sưu tầm tranh ảnh và tư liệu về lịch sử Thăng Long. |  |
| **21** | 40 |  |
| **22** | 41 | Bài 25. Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873 – 1884) |  |
| **23** | 42 |  |
| 24 | 43 | Bài 26. Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỷ XIX  | *Trang 125:Mục II.1. Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887)**- Mục II.2. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)**- Không dạy 2 cuộc khởi nghĩa trên, chỉ cần nắm được cuộc khởi nghĩa Hương Khê.* |
| 25 | 44 | Bài 26. Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỷ XIX (tiếp theo)  |  |
| 26 | 45 | Bài 27. Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỷ XIX | *Trang 131:**- Mục I. Khởi nghĩa Yên Thế 1884 – 1893: Hướng dẫn HS lập bảng thống kê các giai đoạn của các cuộc khởi nghĩa, mỗi giai đoạn chỉ cần nêu khái quát không cần chi tiết.**- Mục II. Phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi: Không dạy* |
| 27 | 46  | **Lịch sử địa phương:**Thăng Long- Hà Nội (1802-1884) |  |
| 28 | 47 | Bài 28. Trào lưu cải cách Duy Tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX |  |
| 29 | 48 | **Kiểm tra viết (1 tiết)** |  |
| 30 | 49 | **Chương II. Xã hội Việt Nam (từ năm 1897 đến năm 1918)**Bài 29: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến kinh tế, xã hội ở Việt Nam  |  |
| 31 | 50 | Bài 29: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến kinh tế, xã hội ở Việt Nam - (KT 15’) |  |
| 32 | 51 | **Chủ đề: Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỷ XX đến năm 1918** | *Không dạy (tr143): Nội dung diễn biến các cuộc khởi nghĩa mục II.2. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916). Khởi nghĩa của binh lính và tù nhân chính trị ở Thái Nguyên (1917)* |
| 33 | 52 |  |
| 34 | 53 | Ôn tập Lịch sử Việt Nam (1858 - 1918) |  |
| 35 | 54 | **Kiểm tra học kỳ II.** |  |
| 36 | 55 | Lịch sử địa phương: Hà Nội 1885-1918. |  |
| 37 | 56 | **Trả bài kiểm tra học kỳ II** |  |

|  |
| --- |
| **KẾ HOẠCH DẠY HỌC NĂM HỌC 2019 – 2020****MÔN LỊCH SỬ LỚP 7** |

**Cả năm 37 tuần (74 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ**  | **Số tuần** | **Số tiết/tuần** | **Số điểm tối thiểu** |
| **M** | **15’** | **V** | **HK** |
| Học kỳ I | 19 | 2 tiết/tuần ×19 tuần = 38 tiết  | 1 | 2 | 1 | 1 |
| Học kỳ II | 18 |  2 tiết/tuần ×18 tuần = 36 tiết  | 1 | 2 | 1 | 1 |

**- Học kỳ I. Tiết 24, 25, 26 . Chủ đề 1: Đại Việt ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (TK XIII)**

**- Học kỳ II. Tiết 39,40,41 . Chủ đề 2: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn**

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh** |
| 1 | 1 | **Phần một. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI**Bài 1. Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu |  |
| 2 | Bài 2: Sự suy vong của chế độ phong kiến và sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.  |  |
| 2 | 3 | Bài 3. Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống phong kiến thời hâu kì trung đại ở châu Âu. |  |
| 4 | Bài 4.Trung Quốc thời phong kiến. | *Không dạy: 6 dòng đầu mục 1: sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc (trang 10)* |
| 3 | 5 | Bài 4.Trung Quốc thời phong kiến (tiếp theo) |  |
| 6 | Bài 5.Ấn Độ thời phong kiến | *Không dạy mục 1. Những trang sử đầu tiên.* |
| 4 | 7 | Bài 6. Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á |  |
| 8 | Bài 6.Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á (tiếp theo) |  |
| 5 | 9 | Bài 7.Những nét chung về xã hội phong kiến | *Không dạy mục 1. Sự hình thành và phát triển xã hội phong kiến (trang 23)* |
| 10 | Làm bài tập lịch sử. **( KT 15’)** |  |
| 6 | 11 | **Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX****Chương I. Buổi đầu độc lập thời Ngô-Đinh-Tiền Lê (thế kỉ X)****Bài 8.** Nước ta buổi đầu độc lập  | *Không dạy: Danh sách 12 sứ quân của mục 2. Tình hình chính trị cuối thời Ngô (trang 25)* |
| 12 | Bài 9. Nước Đại Cồ Việt thời Đinh-Tiền Lê |  |
| 7 | 13 | Bài 9. Nước Đại Cồ Việt thời Đinh-Tiền Lê (tiếp theo) |  |
| 14 | ***Ôn tập*** |  |
| 8 | 15 | **Kiếm tra viết (1 tiết)** |  |
| 16 | **Chương II. Nước Đại Việt thời Lý (thế kỉ XI-XII)**Bài 10. Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước. |  |
| 9 | 17 | Bài 11. Cuôc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077) |  |
| 18 | Bài 11.Cuôc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077) (tiếp theo) |  |
| 10 | 19 | Bài 12. Đời sống kinh tế, văn hóa |  |
| 20 | Bài 12. Đời sống kinh tế, văn hóa (tiếp theo) |  |
| 11 | 21 | ***Lịch sử địa phương:*** Thăng Long thời Lý |  |
| 22 | **Chương III. Nước Đại Việt thời Trần (thế kỉ XIII- XIV)**Bài 13. Nước Đại Việt ở thế kỉ XIII |  |
| 12 | 23 | Bài 13. Nước Đại Việt ở thế kỉ XIII (tiếp theo)  |  |
| 24 | **Chủ đề 1: Đại Việt ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông -Nguyên (thế kỉ XIII)** | *Không dạy nội dung sự thành lập nhà nước Mông Cổ của mục 1. Âm mưu xâm lược nước Đại Việt của Mông Cổ (Tr. 55): Tập trung vào âm mưu xâm lược nước Đại Việt của Mông Cổ.* |
| 13 | 25 |  |  |
| 26 |  |  |
| 14 | 27 | Bài 15 Sự phát triển kinh tế và văn hóa thời Trần - **(Kiểm tra 15’)** |  |
| 28 | Bài 15 Sự phát triển kinh tế và văn hóa thời Trần (Tiếp ) |  |
| 15 | 29 | Bài 16. Sư suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV |  |
| 30 | Bài 16. Sư suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV(tiếp theo) |  |
| 16 | 31 | **Lịch sử địa phương** Thăng Long thời Trần.  |  |
| 32 | Bài 17. Ôn tập chương II và chương III |  |
| 17 | 33 | Làm bài tập lịch sử |  |
| 34 | Chương IV. Đại Việt từ thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI. Thời Lê sơ.Bài 18. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ và phong trào khởi nghĩa chống quân Minh ở đầu thế kỉ XV |  |
| 18 | 35 | Ôn tập học kỳ I |  |
| 36 | Ôn tập học kỳ I |  |
| 19 | 37 | **Kiểm tra học kì I** |  |
| 38 | Trả bài kiểm tra học kỳ I |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh** |
| 20 | 39 | **Chủ đề 2: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ( 1418 - 1427 )** |  |
| 40 |  |  |
| 21 | 41 |  |  |
| 42 | Bài 20.Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527) | - Mục II. 2. xã hội. chỉ nêu các giai cấp (tr.94)- Mục IV. Một số danh nhân văn hóa (không cần chi tiết) (tr.94) |
| 22 | 43 | Bài 20.Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527) (tiếp theo) |  |
| 44 | Bài 20.Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527) (tiếp theo) |  |
| 23 | 45 | Bài 20.Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527) (tiếp theo) |  |
| 46 | Bài 21. Ôn tập chương IV  |  |
| 24 | 47 | Lịch sử địa phương: Đông Đô, Đông Kinh từ thời Hồ đến thời Lê Sơ |  |
| 48 | **Làm bài tập lịch sử** ( Kiểm tra 15’) |  |
| 25 | 49 | **Chương V. Đại Việt ở các thế kỉ XVI-XVIII**Bài 22. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền(thế kỉ XVI-XVIII) |  |
| 50 | Bài 22. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền(thế kỉ XVI-XVIII) (tiếp theo) | Không dạy nội dung diễn biến các cuộc chiến tranh Nam- Bắc triều và Trịnh - Nguyễn (tr.105): Tập trung vào nguyên nhân và hậu quả của chiến tranh Nam- Bắc triều và Trịnh - Nguyễn |
| 26 | 51 | Bài 23. Kinh tế, văn hóa thế kỉ XVI-XVIII |  |
| 52 | Bài 23. Kinh tế, văn hóa thế kỉ XVI-XVIII (tiếp theo) |  |
| 27 | 53 | Làm bài tập lịch sử |  |
| 54 | Ôn tập |  |
| 28 | 55 | **Kiểm tra viết (1 tiết)** |  |
| 56 | Bài 24. Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | Mục 1. Tình hình chính trị (tr.116) chỉ nêu nguyên nhân các cuộc khởi nghĩa |
| 29 | 57 | Bài 25. Phong trào Tây SơnI. Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn |  |
| 58 | Bài 25. Phong trào Tây SơnII. Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân Xiêm |  |
| 30 | 59 | Bài 25. Phong trào Tây SơnIII: Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh (1786) |
| 60 | Bài 25. Phong trào Tây SơnIV: Tây Sơn đánh tan quân Thanh ( 1789) |  |
| 31 | 61 | Bài 26. Quang Trung xây dựng đất nước |  |
| 62 | Lịch sử địa phương: Thăng Long từ thời Mạc đến thời Tây Sơn. |  |
| 32 | 63 | Làm bài tập lịch sử ***-*** (Kiểm tra 15’) |  |
| 64 | Ôn tập |  |
| 33 | 65 | **Chương VI. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX**Bài 27. Chế độ phong kiến nhà Nguyễn  |  |
| 66 | Bài 27. Chế độ phong kiến nhà Nguyễn (tiếp theo) |  |
| 34 | 67 | Bài 28. Sự phát triển của văn hóa dân tộc cuối thế kỉ XVIII-nửa đầu thế kỉ XIX |  |
| 68 | Bài 28. Sự phát triển của văn hóa dân tộc cuối thế kỉ XVIII-nửa đầu thế kỉ XIX (tiếp theo) |  |
| 35 | 69 | Bài 29. Ôn tập chương V và VI |  |
| 70 |  Bài 30. Tổng kết |  |
| 36 | 71 |  Ôn tập học kỳ II |  |
| 72 | Ôn tập học kỳ II |  |
|  | 73 | **Kiếm tra học kì II.** |  |
|  | 74 | Trả bài kiểm tra học kỳ II |  |

|  |
| --- |
|  **KẾ HOẠCH DẠY HỌC NĂM HỌC 2019 – 2020** **MÔN LỊCH SỬ 6**  |

**Cả năm: 37 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ** | **Số tuần** | **Số tiết/tuần** | **Số đầu điểm tối thiểu** |
| **M** | **15’** | **V** | **HK** |
| Học kỳ I | 19 | 1tiết/tuần ×19 tuần = 19 tiết  | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Học kỳ II | 18 |  1tiết/tuần ×18 tuần = 18 tiết  | 1 | 1 | 1 | 1 |

**- Học kỳ I. Tiết 4,5. Chủ đề 1: Xã hội cổ đại**

**- Học kỳ II. Tiết 31,32. Chủ đề 2: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X**

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh** |
| 1 | 1 | **Phần mở đầu.**Bài 1. Sơ lược về môn Lịch sử |  |
| 2 | 2 | Bài 2: Cách tính thời gian  |  |
| 3 | 3 | **Chương I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI**Bài 3: Xã hội nguyên thủy |  |
| 4 | 4 | **Chủ đề 1: Xã hội cổ đại** (Gồm bài 4 và bài 5:- Tiết 1: Các quốc gia cổ đại phương Đông- Tiết 2: Các quốc gia cổ đại phương Tây |  |
| 5 | 5 | *- Mục 2-bài 5: Xã hội cổ đại Hy Lạp Rô Ma gồm những giai cấp và tầng lớp nảo? (tr.15)**- Mục 3. Chế độ chiếm hữu nô lệ (tr. 15)**Gộp mục 2 và mục 3 với nhau, tránh sự trùng lặp để học sinh hiểu về sự hình thành 2 giai cấp chủ nô và nô lệ và vai trò của họ* |
| 6 | 6 | Bài 6. Văn hóa cổ đại. |  |
| 7 | 7 | Bài 7. Ôn tập (KT 15’) |  |
| 8 | 8 | **Phần 2. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X****Chương I. Buổi đầu lịch sử nước ta**Bài 8. Thời nguyên thuỷ trên đất nước ta. |  |
| 9 | 9 | Bài 9. Đời sống của người nguyên thủy trên đất nước ta.  |  |
| 10 | 10 | Kiểm tra viết (1 tiết) |  |
| 11 | 11 | **Chương II. Thời đại dựng nước Văn Lang- Âu Lạc**Bài 10. Những chuyển biến trong đời sống kinh tế.  |  *- Gộp mục 1 với mục 2; + Mục 1. Công cụ sản xuất được cải tiến như thế nào?(Tr. 30)+ Mục 2:Thuật luyện kim đã được phát minh như thế nào?(Tr. 30)* |
| 12 | 12 | Bài 11. Những chuyển biến về xã hội |  |
| 13 | 13 | Bài 12. Nước Văn Lang |  |
| 14 | 14 | Bài 13. Đời sông vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang. |  |
| 15 | 15 |  Bài 14.Nước Âu Lạc | *Mục 2. Nước Âu Lạc ra đời (Tr. 41)**"Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương....Bồ chính cai quản": Không dạy* |
| 16 | 16 | Bài 14.Nước Âu Lạc (Tiếp theo) |  |
| 17 | 17 | Bài 15. Ôn tập chương I và chương II |  |
| 18 | 18 | ***Kiểm tra học kỳ I*** |  |
| 19 | 19 | Trả bài kiểm tra học kỳ I |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài dạy** | **Điều chỉnh** |
| 20 | 20 | **Chương III. Thời kì Bắc Thuộc và đấu tranh giành độc lập.**Bài 17. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) |  |
| 21 | 21 | Bài 18. Trưng Vương và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán. |  |
| 22 | 22 | Bài 19.Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế. (giữa t.kỉ I- giữa t.kỉ VI) |  |
| 23 | 23 | Bài 20. Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế.(giữa thế kỉ I - giữa thế kỉ VI) (tiếp theo) |  |
| 24 | 24 |  Làm bài tập lịch sử |  |
| 25 | 25 | Kiểm tra viết (1 tiết) |  |
| 26 | 26 |   Bài 21. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542-602) | *Không yêu cầu học sinh tìm hiểu: Tiểu sử Lý Bí (tr. 58)* |
| 27 | 27 | Bài 21. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542-602) tiếp | *Không yêu cầu học sinh tìm hiểu: Tiểu sử Triệu Quang Phục (tr. 60)* |
| 27 | 28 | Bài 23. Những cuộc khởi nghĩa lớn trong các thế kỉ VII- IX |  |
| 29 | 29 | Bài 24. Nước Chămpa từ thế kỉ II đến thế kỉ X |  |
| 30 | 30 | Bài 25. Ôn tập chương III. ( KT 15’ ) |  |
| 31 | 31 | **Chủ đề 2: Bước ngoặt Lịch sử đầu thế kỉ X**(Bao gồm ND Chương IV: - Tiết 1: Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương.- Tiết 2: Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938) |  |
| 32 | 32 |  |
| 33 | 33 | **Lịch sử địa phương:** Hà Nội thời kì tiền Thăng Long. |  |
| 34 | 34 | Bài 28. Ôn tập |  |
| 35 | 35 | Làm bài tập lịch sử |  |
| 36 | 36 | **Kiểm tra học kỳ II** |  |
| 37 | 37 | **Trả bài kiểm tra học kỳ II** |  |

 ***Đồng ý ký duyệt***

**Các thành viên trong nhóm Tổ trưởng Phụ trách chuyên môn Hiệu trưởng**

 *Phạm Ngọc Lâm Nguyễn Thị Thu Hiền Nguyễn Liên Lộc*